

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Văn Tám.

+ Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn B, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Lê V, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn B trình bày: Chị và anh Lê V kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 27/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xung đột, anh Lê V không chăm lo xây dựng gia đình làm cho cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 4/2019.

Nhận thấy quan hệ vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê V.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 22/8/2019, hiện chị đang trực tiếp nuôi. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, anh Lê V không phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung.

* Tại bản khai ngày 26 tháng 12 năm 2019 và quá trình tố tụng, bị đơn Lê V trình bày: Anh và chị Nguyễn B kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 27/9/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, gia đình bên vợ thiếu sự tôn trọng anh. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2019. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nhưng vì anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 22/8/2019, hiện chị Nguyễn B đang trực tiếp nuôi. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn B tiếp tục nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên, anh được quyền thăm nom con chung. Vợ chồng không có tài sản chung.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn B, cho chị Nguyễn B ly hôn với anh Lê V, giao con chung cho chị Nguyễn B nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Lê V cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, tài sản và nợ chung của vợ chồng không có.

* Trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn B cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 16/10/2019; bản sao Sổ HKTT của Nguyễn B; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn B; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao trích lục khai sinh con chung. Anh Lê V cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Bản trình bày ý kiến ngày 24/12/2019; Đơn xin khiếu kiện ngày

20/01/2020; bản sao Trích lục khai sinh của Lê V. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản ghi lời khai anh Lê V ngày 26/12/2019; Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn B và anh Lê V tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, đăng ký ngày 27/9/2018. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Lê V không chăm lo xây dựng gia đình làm cho cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn B và anh Lê V có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 22/8/2019, hiện chị Nguyễn B đang trực tiếp nuôi. Tại phiên tòa, anh Lê V tự nguyện giao con chung cho chị Nguyễn B nuôi sau khi ly hôn, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Xét thấy sự tự nguyện của anh Lê V phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn B và anh Lê V đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét xử lý.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn B phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn B, cho chị Nguyễn B ly hôn với anh Lê V.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê V giao con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 22/8/2019 cho chị Nguyễn B trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Anh Lê V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 7/2020 đến khi con chung thành niên.

Anh Lê V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn B phải chịu 300.000đồng. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Nguyễn B đã nộp (biên lai thu số 0000248 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn B và anh Lê V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy